

# MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ VÀ THỰC THI CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO DƯỚI TRIỀU MINH MẠNG (1820 - 1840)

LÊ THỊ HOÀI THANH

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

**Tóm tắt:** Trong thời gian trị vì từ năm 1820 đến năm 1840, Minh Mạng tiếp tục triển khai hàng loạt các hoạt động nhằm bảo vệ và thực thi chủ quyền biển đảo, như tuần tra; cứu hộ, cứu nạn; chống cướp biển; đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ; cắm cột mốc, dựng bia chủ quyền và xây dựng hệ thống đồn biển, pháo đài. Có thể khẳng định, những hoạt động này không chỉ thể hiện tầm nhìn chiến lược về biển mà đây còn là dấu ấn đậm nét của Minh Mạng trong sự nghiệp bảo vệ và thực thi chủ quyền biển đảo ở nửa đầu thế kỷ XIX.

**Từ khóa:** Bảo vệ, thực thi, chủ quyền, biển đảo, Minh Mạng.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau khi lên ngôi (1820), kế thừa một lãnh thổ và lãnh hải rộng lớn, Minh Mạng sớm ý thức được vai trò của biển đảo đối với an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế. Không chỉ dừng lại ở việc thường xuyên tuần du cửa Thuận An để thăm Trấn Hải đài, xem thao diễn thủy quân (như vào tháng 1 năm 1821, tháng 4 năm 1823, tháng 3 năm 1825, tháng 3 năm 1826,...) hay cho khắc hình ảnh biển Đông, biển Nam, biển Tây lên Cao đỉnh, Nhân đỉnh, Chương đỉnh, Minh Mạng còn có nhiều chính sách và cụ thể hóa bằng những biện pháp, hoạt động nhằm khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Tuần tra trên biển

Theo Minh Mạng, tuần tra vùng biển nhằm “*một là để thao luyện lính thủy, cho biết bơi lội; một là để diên tập đánh dưới nước cho quen biết đường biển và cho giặc biển nghe thấy thanh thế, không dám sinh sự, thế là làm một việc mà được ba điều lợi*” [5, tr.38]. Ngoài ra, việc tuần tra còn góp phần bảo đảm an toàn cho việc vận chuyển sản vật và vật liệu ở các địa phương về kinh đô bằng đường biển.

Việc tuần tra vùng biển trên cả nước được giao cho quân đội chính quy, nhưng ở các địa phương giáp biển thì tỉnh được giao quyền chủ động. Để việc tuần tra có hiệu quả, Minh Mạng tăng cường cấp thuyền cho các đồn biển<sup>1</sup>. Theo đó, mỗi đồn biển được cấp 2 chiến thuyền ô và 3 chiến thuyền hạng nhẹ chia thành 2 ban thay nhau tuần thám. Đồng thời, thuyền đi tuần tiêu còn được trang bị súng trường, pháo thăng thiên, câu liêm, kính

---

<sup>1</sup> Minh Mạng chủ trương đóng nhiều loại tàu thuyền phục vụ cho hoạt động tuần tra. Chẳng hạn vào năm 1820, nhà vua cho phép đóng một chiếc thuyền vượt biển hạng lớn và 2 chiếc thuyền hạng nhỏ; tháng 6 năm 1824, đóng thuyền An Hải; tháng 2 năm 1826 đóng 53 chiếc thuyền ô và thuyền lê; năm 1835, các tỉnh có hải phận đều đóng 2,3 chiếc thuyền; năm 1838, vua sai bộ Công đóng thuyền đi tuần với đặc điểm không cần lớn quá như thuyền hiệu, cũng không nên nhỏ quá như thuyền ô, thuyền lê.

thiên lí,... để sẵn sàng đối phó với cướp biển. Trước mùa tuần biển, quân lính được ứng trước từ 1 đến 2 tháng lương thực đối với quân tinh phách, từ 3 đến 4 tháng lương thực đối với quân Kinh phách để sống trên biển dài ngày.

Thời gian tuần tra thường bắt đầu vào tháng 3 và kết thúc vào tháng 7 như quy định ban hành năm 1830: “*Các địa phương ven biển từ Quảng Bình trở ra Bắc, từ nay trở về sau, hàng năm cứ bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 7 thì phải 2 lần thượng phách binh thuyền đi đến các hòn đảo mà thuyền giặc có thể đỗ được để tìm xét*” [4, tr.52]. Đối với các tỉnh phía Nam, khoảng thời gian tuần tra diễn ra muộn hơn (từ tháng 4 đến tháng 10). Tuy nhiên, thời gian này có thể được thay đổi tùy thuộc vào điều kiện thời tiết: “*Các tỉnh Nam Kỳ, hàng năm phải trích thuyền binh, ra biển tuần thám đã cho tháng 4 thì phải đi, tháng 10 thì rút về. Nay nghĩ tháng 10 vào mùa đông, thời tiết đã muộn, nếu quan binh đi tuần phòng còn ở ngoài biển là không tiện. Vậy cho định lại, hàng năm tháng 9, thì những thuyền binh trước phách đi tuần biển đều cho rút về hàng ngũ của tỉnh*” [2, tr.697]. Lực lượng được phái đi tuần tra luân phiên thay đổi 3 tháng 1 lần nhằm đảm bảo sức khỏe.

Để có cơ sở kiểm tra hoạt động tuần tra, triều đình quy định lực lượng đảm nhận nhiệm vụ phải lập biên bản để làm bằng chứng khi bị tra xét. Biên bản ghi rõ ngày tháng, giờ nào, đến đâu, nơi giáp giới hoặc cuối nơi giáp giới gặp thuyền đi tuần của đồn biển nào. Đến cuối mỗi tháng, viên đồn biển ấy đem tất cả các giấy biên từng ngày đóng thành tập và trình nộp lên cho quan địa phương. Quan địa phương xét thấy trong tháng, trừ ngày nào là có gió mưa không thể đi được, còn những ngày nào không biên ký, không liên lạc với nhau thì lập tức cho tra xét. Còn nếu cứ theo mức bình thường, liên tục không gián đoạn, thì cứ mỗi tháng 3 kỳ, tư vào bộ để lưu trữ. Sau khi tuần tra xong, các thuyền phải nhanh chóng trở về, không được tự tiện ở lại bất kỳ địa điểm nào. Trong quá trình tuần tra, nếu gặp thuyền giặc thì lập tức đuổi bắt. Ban ngày thì bắn 3 phát đại bác, ban đêm cũng bắn 3 phát đại bác và bắn 5 chiếc pháo thăng thiên làm hiệu.

Để tránh chòng chéo trong hoạt động tuần tra giữa các vùng biển, vua Minh Mạng chuẩn y thực hiện việc dựng cột mốc trên biển và ghi rõ giáp giới tuần biển, cụ thể là từ Bình Thuận trở ra Bắc đến các đồn biển ở ven biển Yên Quảng, ở những nơi hai đồn biển tiếp giáp nhau thì đều dựng cột mốc trên bờ biển, ghi rõ phía Nam thì thuộc về bờ biển này, phía Bắc thì thuộc về đồn biển kia. Trên cơ sở vị trí của những cột mốc trên bờ biển, các thuyền đi tuần tra cứ căn cứ theo hải phận của đồn biển để thực thi nhiệm vụ. Mỗi khi đi tuần phải qua chỗ cột mốc giáp nhau mới được trở về. Thuyền đi tuần của tỉnh phách thì xét theo hải phận của tỉnh mà tuần thám.

Không chỉ quy định rõ về thời gian, cách thức tuần tra, Minh Mạng còn đề ra các hình thức thưởng phạt thích đáng đối với lực lượng tuần tra: Nếu các thuyền đi tuần ở vùng biển không hoàn thành nhiệm vụ thì sẽ bị trừng phạt. Cụ thể như trường hợp tháng 2 năm 1837, ở phận biển Chu Mãi, Cảnh Dương phủ Thừa Thiên có giặc biển đón cướp thuyền buôn gạo, Thủ ngự là Phạm Văn Thuận đem thuyền quân đi tuần ở biển đuổi theo không kịp. Vua nghe việc ấy và cho rằng: “*Kinh kỳ là nơi tôn trọng, giặc biển bèn dám nhóm sơ hở ngâm phách, rất là đáng giận, quan quân ở đồn ấy không biết ra sức bắt lấy, để cho bay xa, thì gọi là đi tuần ở biển là làm việc gì, lập tức cách chức Phạm Văn*

*Thuận cho đeo tội đi bắt giặc, bọn Kinh doãn đều bị giáng, rồi cho thư Đê đốc Nguyễn Văn Mỹ đem thuyền quân ở phủ và ở đồn ấy ra biển đuổi bắt...” [6, tr.37].*

## 2.2. Công tác cứu hộ, cứu nạn

Cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền cũng là một trong những hoạt động khẳng định và thực thi chủ quyền biển đảo dưới triều Nguyễn. Tai nạn diễn ra trên biển đảo thường là gặp bão; mắc cạn, va phải đá ngầm. Do vậy, khi ngư dân, thương nhân và các lực lượng khác trong và ngoài nước gặp nạn trên vùng biển đảo thuộc chủ quyền, triều Nguyễn rất khẩn trương trong hoạt động cứu hộ thuyền gặp nạn bằng những việc làm cụ thể, như thăm hỏi, cấp tiền, gạo. Đối với tàu thuyền ngoại quốc, họ còn được tạo điều kiện thuận lợi để quay trở về nước. Có thể minh chứng bằng những sự kiện tiêu biểu như: tháng 1 năm 1822: *“Trường sinh tỉnh Phúc Kiến nước Thanh là Vương Khôn Nguyên đi Đài Loan chắm thi, nhân bị bão dạt vào đậu ở Đà Nẵng. Sai cho quân áo tiền gạo và đưa theo đường bộ về nước. Khôn Nguyên xin về đường biển. Y cho và cho thêm 100 lạng bạc”* [3, tr.183]; tháng 3 năm 1822: *“thuyền bị nạn của nước Xiêm đậu vào hải phận An Hải (tên phường) thuộc Quảng Ngãi, Cấp cho tiền gạo rồi cho đi”* [3, tr.183]; tháng 11 năm 1829: *“thuyền sai của nước Thanh là Hoàng Đạo Thái đi phủ Đài Loan chở thóc công, bị gió dạt vào dương phận Hà Tiên, thành thân Gia Định tàu lên. Sai theo lệ nạn bão mà chẩn cấp. Bánh lái cột buồm của thuyền bị gãy, cho mua gỗ sửa chữa mà miễn thuế. Rồi đợi thuận gió cho về”* [3, tr.920] hay vào tháng 12 năm 1836: *“thuyền buôn Anh Cát Lợi đi qua Hoàng Sa, mắc cạn, bị vỡ và đắm, hơn 90 người đi thuyền sam bán đến bờ biển Bình Định. Vua được tin, dụ tỉnh thần lựa nơi cho họ trú ngụ, hậu cấp cho tiền và gạo, Lại phái thị vệ thông ngôn đến dịch lời thăm hỏi, tuyên Chỉ ban cấp”* [5, tr.1058]. Những sự kiện kể trên biểu hiện tính nhân đạo của nhà Nguyễn đối với các thuyền gặp nạn trên vùng biển Đại Nam. Việc hỗ trợ kịp thời của triều đình không chỉ giúp thuyền buôn, thuyền công vượt qua cơn hoạn nạn mà qua đó nhà Nguyễn đã khẳng định quyền làm chủ biển đảo của mình.

## 2.3. Chống cướp biển

Nạn cướp biển là mối đe dọa thường xuyên đến tính mạng, tài sản của những đoàn thuyền công và thuyền buôn của người dân. Dưới thời Minh Mạng, hải tặc hoạt động trên một phạm vi rộng lớn từ vùng biển miền Đông Bắc đến Tây Nam, đó là ở các tỉnh Quảng Yên, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Định, Bình Thuận, Biên Hòa, Hà Tiên. Giặc biển chủ yếu là người Thanh và người Chà Và. Chúng không chỉ tiến hành quấy phá trên biển mà thậm chí còn tiến sâu hơn vào đất liền để cướp bóc, giết hại người dân ở các địa phương ven biển. Theo thống kê từ Đại Nam thực lục, từ năm 1820 đến năm 1840 có khoảng 67 lần giặc biển quấy phá trên vùng biển Đại Nam. Có những năm giặc biển nổi lên nhiều lần như 1828 (4 lần), 1832 (13 lần), 1836 (5 lần), 1837 (6 lần), 1838 (12 lần), 1839 (7 lần). Do vậy, chống giặc biển là hoạt động luôn được Minh Mạng chú trọng để bảo vệ ngư dân, thuyền buôn của người dân, thuyền công của nhà nước và cao hơn cả là nhằm mục tiêu giữ gìn an ninh, trật tự vùng biển đảo. Trong một số trường hợp, nếu quan quân giữ việc kiểm soát vùng biển sở tại hoàn thành tốt nhiệm vụ chống giặc biển thì sẽ được ban thưởng có thể bằng tiền, vũ khí hay

thăng chức, chẳng hạn vào tháng 7 năm 1823, binh hai đội An Hải, Thanh Châu đánh, bắt sống và chém được mấy tên giặc biển Chà Và cướp đảo Lại Dữ (Hòn Rái) ở Hà Tiên. Vua Minh Mạng đã ban thưởng cho binh lính hai đội 100 quan tiền. Ngược lại, nếu không hoàn thành nhiệm vụ thì có thể bị giáng chức, thậm chí là bị tử hình để nêu gương, như tháng 5 năm 1839 ở Bình Định “*có thuyền giặc người nước Thanh lén lút phát ra ở địa phận cửa biển Thi Nại, cướp lấy hàng hóa của người buôn rồi đi. Việc đến tai vua, viên bộ biển là Lãnh binh Phan Văn Hứa và quan tỉnh là Tôn Thất Lương đều bị giáng cấp*” [6, tr.504]. Nhìn chung, dưới triều Minh Mạng, về cơ bản những lần giặc biển quấy phá đều được dập tắt. Đó cũng chính là nỗ lực của quan quân nhà Nguyễn trong việc bảo vệ và thực thi chủ quyền biển đảo.

#### 2.4. Đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ

Đo đạc thủy trình và vẽ bản đồ về vùng biển đảo là một biểu hiện rõ nét về ý thức chủ quyền biển đảo của Minh Mạng. Vua đã ra lệnh cho quan lại xem xét địa hình ở các vị trí ven bờ biển, cửa biển, đảo, để từ đó tiến hành vẽ thủy trình và bản đồ để việc đi biển được thuận tiện. Tháng 4 năm 1831, Minh Mạng định lệ đo đạc các cửa ven biển như sau: “*phải xem xét đo đạc cho tường tận hơn những cửa ven biển gần bờ, nếu có đóng đá, ghềnh đá, bãi cát nông, bãi cát ngầm, mà thuyền bè cần phải tránh, đều phải chỉ rõ là cách với bờ bao nhiêu trượng, thước, nếu cách bờ xa, khó xem xét đo đạc cũng phải ước lượng xem xa gần mấy dặm, đi bộ mấy giờ mấy khắc thì vào đến bờ, và chỗ ấy trông lên núi trên bờ xem hình nó lớn hay nhỏ, hình giống cái gì, nhiều nhất phải biên kê hết cả ra, để cho dễ nhận*” [4, tr.165].

Không chỉ tiến hành đo đạc thủy trình tại các cửa biển, Minh Mạng đặc biệt chú trọng đến việc vẽ bản đồ ở các đảo xa bờ. Năm 1836, Minh Mạng phái người trực tiếp đến vùng biển đảo Hoàng Sa thực hiện việc đo vẽ bởi vì: “*Trước kia đã phái vẽ bản đồ mà hình thế nó xa rộng, mới chỉ được một nơi, cũng chưa được rõ ràng*” [5, tr.867]. Đồng thời, nhà vua còn ra lệnh việc đo vẽ cần được thực hiện toàn diện, tránh bỏ sót về địa hình tự nhiên, cự ly, kích thước của các hòn đảo, dù to hay nhỏ: “*Không cứ là đảo nào, hòn nào, bãi cát nào, khi thuyền đi đến, cũng xét xem ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng, chu vi và nước biển bốn bề xung quanh nông hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thế hiểm trở, bình dị thế nào, phải tường tận đo đạc, vẽ thành bản đồ, Lại, xét ngày khởi hành, từ cửa biển nào ra khơi, nhằm phương hướng nào đi đến xứ ấy, căn cứ vào thuyền đi, tính ước được bao nhiêu dặm. Lại từ xứ ấy trông vào bờ bên, đối thẳng vào là tỉnh hạt nào, phương hướng nào, đối chệnh chéch là tỉnh hạt nào, phương hướng nào, cách bờ biển chừng bao nhiêu dặm. Nhất nhất nói rõ, đem về, dâng trình*” [5, tr.867].

Ngoài ra, Minh Mạng tiến hành cấp các phương tiện, thiết bị như đồng hồ cát, thước đo nước cho quan quân để việc đo đạc được chính xác hơn. Từ kết quả đạt được, nhà Nguyễn cho sao lục bản đồ phận biển cửa biển các hạt và sách tập nghiệm đường biển chia giao cho Thủy sư trong Kinh thành và các tỉnh mỗi nơi mỗi bản để phục vụ cho hoạt động tuần tra, giám sát biển đảo.

## 2.5. Cắm cột mốc, dựng bia chủ quyền trên biển đảo

Việc thực thi chủ quyền biển đảo dưới thời Minh Mạng còn được thể hiện qua hoạt động cắm cột mốc, dựng bia tại các đảo. Năm 1836, vua Minh Mạng sai suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật mang theo bài gỗ đến Hoàng Sa cắm làm cột mốc. Mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 5 tấc, dày 1 tấc. Mặt bài khắc dòng chữ “*Minh Mệnh thứ 17, năm Bình Thân, Thủy quân Chánh đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh đi Hoàng Sa trông nom đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ*” [5, tr.867]. Sự kiện này đánh dấu việc nhà nước chuẩn hóa hoạt động cắm cột mốc với những quy định cụ thể.

Cùng với việc cắm cột mốc, Minh Mạng còn sai binh lính dựng miếu thờ thần, lập bia và trồng cây ở đảo Hoàng Sa. Năm 1835, vua sai Cai đội Thủy quân Phạm Văn Nguyên đem lính thợ Giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định chuyên chở vật liệu ra Hoàng Sa dựng miếu, lập bia. Hoạt động này không chỉ là sự thực thi chủ quyền của triều Nguyễn trên các đảo mà đây còn là biện pháp an ninh đường biển, giúp cho tàu thuyền qua lại trên vùng biển Đông có thể nhận biết được vị trí của các đảo một cách thuận lợi để tránh những tai nạn có thể gặp phải.

Như vậy, với những hoạt động vẽ bản đồ, cắm cột mốc, dựng bia chủ quyền, thu lượm sản vật tại quần đảo Hoàng Sa, Minh Mạng đã trực tiếp theo dõi, đốc thúc và quyết định các hình thức thưởng phạt những người chịu trách nhiệm đi công cán, khảo sát tại quần đảo này, như trong Châu bản ngày 13 tháng 7 năm 1837 đã ghi rằng: “...*Trước đây đã phái Thủy sư, Giám thành cùng binh dân thuyền 2 tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi đến khảo sát Hoàng Sa. Nay [đoàn] đã trở về. Trừ viên Thủy sư suất đội Phạm Văn Biện do Kinh phái đi về quá hạn, viên dẫn đường do tỉnh phái đi là Vũ Văn Hùng, Phạm Văn Sinh, lái thuyền Lưu Đức Trực tất cả gồm 4 người đã có chỉ trách phạt, đánh đòn, còn binh dân cùng đoàn lính dênh trên biển khơi cũng rất vất vả, nên xét ban ân binh đình mỗi viên thưởng cho 1 tháng lương tiền, dân phu mỗi viên thưởng 2 quan tiền, trong đó các viên phu thuyền do tỉnh sai phái đi cho về quê làm ăn, riêng viên Biện chức Giám thành phạm lỗi là Trương Viết Soái trước là Đốc biện trông coi việc luyện thuốc súng đã có sơ suất mắc lỗi bị xử phạt trăm giam hậu, năm ngoái được sai phái đi Hoàng Sa và đi hiệu lực xây thành Gia Định để chuộc tội. Nay lại được sai phái đi khảo sát Hoàng Sa. Tuy đã đến khảo sát 11 nơi bãi cát và các đảo, việc đo vẽ bản đồ chưa thật chu đáo nhưng nhiều lần bị dầy đi làm việc khổ sai và cũng biết hối cải, nên gia ân tha cho viên Trương Viết Soái, cho về làm lính ở vệ Giám thành, đợi sau tùy việc sai phái để cho viên đó chuộc lỗi cũ. Hãy tuân mệnh*” [7, tr.160].

## 2.6. Xây dựng hệ thống đồn, đảo, pháo đài

Nối tiếp những đồn biển, pháo đài dọc các tỉnh ven biển và hải đảo đã được ra đời dưới thời Gia Long, khi lên cầm quyền, Minh Mạng đặc biệt chú trọng đến việc củng cố, hoàn thiện hệ thống các công trình phòng thủ này thông qua việc xây dựng, sửa chữa nhằm “*củng cố bờ biển, giữ mạnh thế nước*”. Tại kinh thành Huế, đài Trấn Hải được tu sửa rất nhiều lần, như vào tháng 5 năm 1820, tháng 10 năm 1826, tháng 5, 6 năm 1830, tháng 9 năm 1839, tháng 1 năm 1840.

Ngoài ra, trên các vùng biển từ Nam Định, Thanh Hóa cho đến Bình Định, Hà Tiên hàng loạt đồn bảo, pháo đài được xây mới, cụ thể là tháng 2 năm 1823 dời đài Điện Hải và xây dựng pháo đài Định Hải, tháng 7 năm 1840 xây pháo đài Phòng Hải, tháng 3 năm 1830 xây đài An Hải ở Quảng Nam; tháng 8 năm 1832 dời đặt đồn Liêu Lạc ở Nam Định; tháng 9 năm 1832 đặt 8 sở tấn, bảo ở Nghệ An, Hà Tĩnh; tháng 2 năm 1836 xây đồn bảo Thanh Hải và pháo đài Thanh Hải ở đảo Côn Lôn thuộc Gia Định; tháng 12 năm 1836 xây pháo đài Ninh Hải ở Khánh Hòa; tháng 1 năm 1838 lập đồn Hà Ninh ở Hà Tiên, tháng 4 năm 1839 dựng đồn Ninh Hải, Tĩnh Hải ở Quảng Yên; tháng 7 năm 1840 xây pháo đài Hồ Cơ và bảo Thị Nại ở Bình Định.

Tại các đồn biển và pháo đài, Minh Mạng đặt chức Tấn thủ, Thủ ngự, Hiệp thủ và bố trí lực lượng quân đội đóng giữ. Tùy thuộc vào vị trí chiến lược của mỗi một vùng biển mà có sự cắt đặt lực lượng quân sự phù hợp nhất. Bên cạnh đó, nhà vua đẩy mạnh việc tăng cường trang bị phương tiện (tàu thuyền, đèn hiệu, kính thiên Lý, ...), vũ khí (súng, đạn) cho các đồn bảo, pháo đài. Đồng thời, Minh Mạng còn định lệ treo cờ và bắn súng tại pháo đài căn cứ vào chức năng, hoạt động của các loại thuyền qua lại, ví như quy định treo cờ và bắn súng ở đài Trấn Hải vào năm 1830: *“Thuyền lớn bọc đồng hoặc thuyền lớn hai cột buồm ở Kinh đi ra biển làm việc công mỗi thuyền có treo cờ vàng và bắn 3 tiếng súng, cả bang thuyền tuy nhiều tiếng súng, trên đài vẫn treo cờ vàng và chỉ bắn 3 tiếng súng thôi. Còn thuyền ô, thuyền lê thì chỉ treo cờ không bắn súng”* [4, tr.121], hay *“Thuyền lớn đi công cán ngoại quốc trở về đến ngoài cửa biển, trên đài trông thấy rõ ràng, thì treo cờ đỏ khánh hỷ ở trên cờ vàng rồi bắn 3 tiếng súng lớn. Như thuyền lớn có 2, 3 chiếc hoặc 4, 5 chiếc cùng đến một lúc, cũng chỉ bắn 3 tiếng súng thôi”* [4, tr.121], còn đối với *“Thuyền tàu ngoại quốc đến đỗ ở bên ngoài cửa biển, lúc thả neo nhỏ neo có treo cờ bắn súng thì không cứ hiệu thuyền nào, tiếng súng nhiều hay ít, trên đài chỉ bắn trả lời ở tiếng súng lớn”* [4, tr.121]. Có thể thấy, các đồn biển, pháo đài từ vùng biển Đông Bắc đến Nam bộ luôn được Minh Mạng quan tâm trên mọi mặt: từ xây mới hay tu sửa đến tăng cường trang bị nhằm biến đây thành một hệ thống công sự kiên cố góp phần to lớn trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển đảo.

### 3. KẾT LUẬN

Từ việc nghiên cứu về một số hoạt động bảo vệ và thực thi chủ quyền biển đảo dưới triều Minh Mạng, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

*Một là*, Minh Mạng luôn quan tâm, trực tiếp chỉ đạo và ban hành những quy định hết sức cụ thể về công tác bảo vệ, thực thi chủ quyền biển đảo. Đặc biệt, đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nhà Nguyễn đã *“nâng công việc quản lý và thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo lên tầm quốc gia, đặt dưới sự tổ chức và điều hành của triều đình do nhà vua trực tiếp chỉ đạo và phê duyệt”* [1, tr.12]. Đây chính là nhận thức sâu sắc và thái độ trách nhiệm cao của Minh Mạng đối với chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nói riêng và vùng biển đảo Việt Nam nói chung.

*Hai là*, hoạt động bảo vệ và thực thi chủ quyền biển đảo được diễn ra thường xuyên trong suốt thời gian cầm quyền của Minh Mạng và tiến hành trên một phạm vi rộng lớn, từ

vùng biển Đông Bắc đến biển Tây Nam. Trong đó, Minh Mạng đặc biệt chú trọng đến vùng biển miền Trung, nhất là vùng biển phủ Thừa Thiên bởi lẽ đây được xem là *phên dậu* bảo vệ kinh thành Huế từ phía Đông. Điều này được thể hiện qua việc nhà vua tăng cường tuần tra, giám sát và xây dựng hệ thống phòng thủ ven biển ở các tỉnh miền Trung.

*Ba là*, mỗi một hoạt động được tiến hành đều gắn liền với mục đích cụ thể, như việc tuần tra; chống cướp biển nhằm giữ gìn an ninh, trật tự vùng biển đảo và việc cứu hộ, cứu nạn, đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ; cắm cột mốc, dựng bia trên quần đảo; xây dựng hệ thống phòng thủ nhằm thể hiện quyền làm chủ vùng biển đảo của triều Nguyễn. Trong quá trình thực hiện, các hoạt động này đã có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ cho nhau nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

*Bốn là*, để có lực lượng chuyên trách trong công tác bảo vệ và thực thi chủ quyền quốc gia nói chung và chủ quyền biển đảo nói riêng, nhà Nguyễn dưới thời Minh Mạng đã rất chú trọng việc xây dựng thủy quân. Thủy quân được chia làm hai cấp là Trung ương và địa phương. Gắn với mỗi cấp, Minh Mạng cất đặt số lượng quan lại và binh lính phù hợp nhất đối với từng đơn vị (thủy sư, doanh vệ, cơ, đội, thập, ngũ). Đồng thời, nhà Nguyễn tiến hành trang bị các phương tiện như thuyền, đồng hồ cát, kính thiên lý; vũ khí (súng điều thương, giáo dài...) và thường xuyên cho quân luyện tập, thao diễn nhằm nâng cao chất lượng. Do vậy, nắm trong tay lực lượng thủy quân vững mạnh là điều kiện thuận lợi để Minh Mạng có thể thực thi hàng loạt các biện pháp nhằm thể hiện chủ quyền biển đảo của vương triều.

*Năm là*, dưới sự trị vì của Minh Mạng, chủ quyền biển đảo một lần nữa được khẳng định một cách trọn vẹn, hợp pháp thông qua hàng loạt các hoạt động được triển khai thường xuyên. Điều này đã cho thấy tầm nhìn chiến lược về biển của Minh Mạng cũng như đóng góp to lớn của lực lượng quan quân và người dân trong sự nghiệp bảo vệ và thực thi chủ quyền biển đảo. Và những thành quả đạt được dưới triều Minh Mạng không chỉ là bài học kinh nghiệm quý giá mà đó còn là bằng chứng vững chắc nhất về chủ quyền biển đảo của triều Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan Huy Lê (2014). Châu bản triều Nguyễn: Những chứng cứ lịch sử - pháp lý về chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa – Trường Sa, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 8, tr.3-17.
- [2] Nội các triều Nguyễn (1993). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 9, NXB Thuận Hóa, Huế.
- [3] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 2, 3, 4, 5, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục*, tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục*, tập 4, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục*, tập 5, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng, Tạp chí Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng (2016), *Biển đảo Việt Nam: Lịch sử - Chủ quyền – Kinh tế - Văn hóa*, NXB Văn hóa – Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh.

**Title:** SOME ACTIVITIES OF PROTECTING AND ENFORCING THE SOVEREIGNTY OF SEA AND ISLANDS IN MINH MANG DYNASTY (1820-1840)

**Summary:** During the time of the reign from 1820 to 1840, Minh Mang continued expending into many activities of protecting and enforcing the sovereignty of sea and islands, such as patrolling, saving from danger, protesting sea-rovers, measuring tide, painting map, putting boundary-marks, building sovereignty steles, building system of sea-posts, fortresses. It's confirmed that these activities not only express the strategy view of sea, but it's a bold stamp of Minh Mang in the cause of protecting and enforcing the sovereignty of sea and islands in the first half of the XIX century.

**Keywords:** Protect, enforce, sovereignty, sea and islands, Minh Mang.